TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 86/2020/DS-PT
Ngày: 21/02/2020.
Về việc Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lâm Thị Thu Lan.

- *Các Thẩm phán* Bà Phạm Thị Thảo;

Ông Nguyễn Ngọc Tài.

Thư ký phiên tòa: Ông Danh Đời – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Hoàng Anh Nga - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 và ngày 21/02/2020, tại Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 522/2019/TLPT-DS ngày 04/11/2019 về việc "Tranh chấp thừa kế quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 662/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐ-PT ngày 02/01/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 205/2020/QĐ-PT ngày 09/01/2020 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Huỳnh Văn B**, sinh năm 1944, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: số 45, Khu phố 3A, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phúc Duy Tân, sinh năm 1990; Địa chỉ: 54/29/34 đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Thông - Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Vạn Thông, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1960, (có mặt).

Địa chỉ: 55A, Khu phố 1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Trần Thị Ngọc Hà, sinh năm 1997. Địa chỉ: 311 đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Bùi Trung Linh - Luật sư thuộc Công ty Luật Trách nhiệm hữu hạn Lộc Phúc & Thịnh, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Trương Thị Thanh H, sinh năm 1961, (có mặt).

Địa chỉ: 55A, Khu phố 1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Bà Trần Thị Ngọc Hà, sinh năm 1997. Địa chỉ: 311 đường Điện Biên Phủ, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1969, (có mặt).

Địa chỉ: 1/1/2A Lê Văn Thọ, Phường 8, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bà Cao Thị Nhỏ, sinh năm 1945, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 47/4, Khu phố 2, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Bà Cao Trần Kim Phượng, sinh năm 1972, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 19, Khu phố 2, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phượng: Ông Nguyễn Phúc Duy Tân, sinh năm 1990; Địa chỉ: 54/29/34 đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

5. Ông Hồ Lưu Th, sinh năm 1956, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 197, Khu phố 3B, phường Thạnh Lộc, Quận 12,Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Thủy: Ông Nguyễn Phúc Duy Tân, sinh năm 1990; Địa chỉ: 54/29/34 đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

6. Ông Hồ Thành L, sinh năm 1958, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 76 khu phố 3C, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Bà Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1925, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 4/4, Khu phố 1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông Phạm Kim Long, sinh năm 1950, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 42/8, Khu phố 1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà Phạm Thị Kim Loan, sinh năm 1966, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 4/4, Khu phố 1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Bà Phạm Thị Kim Thúy, sinh năm 1961, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 2/64, Khu phố 1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông Phạm Hữu Tường, sinh năm 1978, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 359, Tổ 7, KP.1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

12. Bà Phạm Thị Lệ H, sinh năm 1970, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 359, Tổ 7, KP.1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

13. Bà Phạm Thị Kim Nga, sinh năm 1972, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 359, Tổ 7, KP.1, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

14. Ông Lê Văn Cang, sinh năm 1955, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 146/3 KP.6, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

15. Ông Lê Hoàng Thy, sinh năm 1980, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 146/3 KP.6, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

16. Bà Lê Thị Quỳnh Trâm, sinh năm 1989, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 146/3 KP.6, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

17. Bà Nguyễn Thị Mai, sinh năm 1937, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 55/2, Tổ 5, Khu phố 1, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Mai: Ông Nguyễn Phúc Duy Tân, sinh năm 1990; Địa chỉ: 54/29/34 đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

18. Ông Nguyễn Văn Tình, sinh năm 1964, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 119/3, Tổ 16, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Bà Nguyễn Thị Huệ, sinh năm 1942, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 91 đường số 01, phường 11, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

20. Bà Nguyễn Thị Thất, sinh năm 1958, (có mặt).

Địa chỉ: 101/10 đường số 01, Phường 11, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh

21. Ông Nguyễn Hùng Dũng, sinh năm 1975, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 92/1002B đường Lê Đức Thọ, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

22. Bà Huỳnh Thị Kim Liên, sinh năm 1966, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 92/1002B đường Lê Đức Thọ, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

23. Bà Huỳnh Thị Nghĩa, sinh năm 1959, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 92/1002B đường Lê Đức Thọ, Phường 6, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

24. Bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, sinh năm 1972, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 311 đường L36, phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Bà Huỳnh Thị Kim Ngọc, sinh năm 1966, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 92/1002B Lê Đức Thọ, Phường 6, quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

26. Ông Võ Văn Xích, sinh năm 1943, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 72D, Khu phố 2, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Xích: Ông Nguyễn Phúc Duy Tân, sinh năm 1990; Địa chỉ: 54/29/34 đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

27. Bà Phạm Thị Tệ, sinh năm 1940, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 024 Lô E, Cư xá Thanh Đa, phường 27, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

28. Ông Võ Văn Khải, sinh năm 1959, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 84 đường HT 06, phường Hiệp Thành, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

29. Ông Võ Hữu Tâm, sinh năm 1966, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 024 Lô E, Cư xá Thanh Đa, Phường 27, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

30. Ông Võ Ngọc Linh, sinh năm 1962, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 1/50/6 đường Thanh Đa, Phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

31. Bà Võ Thị Lệ Minh, sinh năm 1960, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 024 Lô E, Cư xá Thanh Đa, phường 27, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

32. Bà Huỳnh Thị Trừ, sinh năm 1964, (có mặt).

Địa chỉ: 15D, KP.2, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trừ: Ông Nguyễn Phúc Duy Tân, sinh năm 1990; Địa chỉ: 54/29/34 đường Chiến Lược, phường Bình Trị Đông, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, (có mặt).

33. Bà Huỳnh Thị Lợi, sinh năm 1966, (có mặt).

Địa chỉ: 145/30/30, Khu phố 4, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

34. Ông Đinh Văn Hoài, sinh năm 1933, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 1305/3C Khu phố 5, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

35. Bà Đinh Thị Kim Hoàng, sinh năm 1982, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 1305/3C, Khu phố 5, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

36. Bà Đinh Thị Thu Hồng, sinh năm 1960, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 1159/3D, Khu phố 3, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

37. Bà Đinh Thị Bích Phượng, sinh năm 1979, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 77 đường TL 15, phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

38. Bà Đinh Thị Thu Sương, sinh năm 1967, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 18/8B, phường 12, Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

39. Bà Đinh Thị Thu Vân, sinh năm 1972, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 28/2 đường APĐ 03, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

40. Bà Đinh Thị Tuyết, sinh năm 1970, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 124/1, KP.1, phường Thạnh Xuân, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

41. Bà Đinh Thị Thanh Hoa, sinh năm 1963, (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 1595, KP.3, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

42. Đinh Thị Hòa Bình, sinh năm 1975.

Địa chỉ: 1305/3C Khu phố 5, phường An Phú Đông, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, (xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo*: Ông Nguyễn Văn Tr – Bị đơn, (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong hồ sơ vụ án và quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm, nguyên đơn ông Huỳnh Văn B có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phúc Duy Tân trình bày:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng qua đời trước năm 1975 không di chúc, để lại di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo bản trích sao điền thổ thuộc về bất động sản số 336 Quới Xuân Thôn, lập bộ ngày 18/9/1942, nhằm lô số 140 và 141, Tờ bản đồ số 3, Tọa lạc tại Quới Xuân Thôn nay là thửa đất số 47 và một phần thửa số 48, Tờ bản đồ số 17 Bộ địa chính phường Thạnh Lộc, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh cho 07 người con là:

1. Nguyễn Thị Theo (đã mất không xác định được năm);

2. Nguyễn Thị Đôi (đã mất không xác định được năm);

3. Nguyễn Văn Xủng (đã mất không xác định được năm);

4. Nguyễn Văn Xỉnh (đã mất không xác định được năm);

5. Nguyễn Thị Xình (đã mất không xác định được năm);

6. Nguyễn Thị Thời (đã mất không xác định được năm);

7. Và bà Nguyễn Thị Tời thụ hưởng.

Năm 1999, bà Tời qua đời không để lại di chúc, phần di sản thừa kế là Quyền sử dụng đất có diện tích 1.033,9m^2 theo bản vẽ áp ranh số 48161 ngày 17/6/2019 của Trung tâm đo đạc bản đồ Chi nhánh Quận 12 thuộc Sở Tài nguyễn và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh chưa chia (diện tích 1.033.9m^2), chồng bà Tời cũng

đã mất, không để lại di chúc. Bà Tời có hai người con là: Ông Huỳnh Văn B và bà Huỳnh Thị Y. Năm 2008, bà Y mất không có khai tử, bà Y có chồng là ông Đinh Văn Hoài và 08 người con gồm: Đinh Thị Kim Hoàng; Đinh Thị Thu Hồng; Đinh Thị Thu Vân; Đinh Thị Bích Phượng; Đinh Thị Tuyết; Đinh Thị Thu Sương; Đinh Thị Hòa Bình và Đinh Thị Thanh Hoa.

Nguyên đơn không yêu cầu chia phần đất hiện là mồ mả nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11 ngày 31/01/2005 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp cho ông Nguyễn Văn Trương và bà Trương Thị Thanh Hương, chỉ yêu cầu chia thừa kế trong diện tích nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11 (đã bị Ủy ban nhân dân Quận 12 thu hồi tại Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 22/01/2009) có diện tích 1033.9m^2 nói trên.

Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11, diện tích đất tranh chấp là 1.214,8m^2, bị đơn đã bán phần đất có diện tích khoảng 219,5m^2 đất cho ông Nguyễn Thành Trung theo Bản đồ hiện trạng vị trí do Công ty TNHH Tư vấn – Phát triển và kinh doanh nhà HL lập ngày 21/5/2007, Trưởng phòng Quản lý Đô thị Quận 12 xác nhận ngày 01/6/2007. Nhưng theo bản đồ hiện trạng vị trí của Trung tâm ĐĐBĐ lập ngày 15/8/2012 diện tích xác định chỉ là 218,5m^2. Lẽ ra diện còn lại phải là 996,3m^2, nhưng qua đo đạc thực tế còn 1.033.9m^2 nguyên đơn yêu cầu chia theo diện tích thực tế này, yêu cầu ông Nguyễn Văn Trương phải chấp thuận chia tài sản chung là phần đất còn lại trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11.

Đề nghị Tòa án công nhận diện tích 1.033.9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng 48161/TTĐĐBĐ-VPQ12 ngày 17/6/2019 còn lại là di sản chung và phát mãi diện tích đất này. Số tiền bán đất sẽ được chia đều cho đại diện 07 chi là bà Nguyễn Thị Mai, ông Huỳnh Văn Bảnh, ông Võ Văn Xích, bà Huỳnh Thị Trừ, ông Hồ Lưu Thủy, bà Cao Trần Kim Phượng và ông Nguyễn Văn Trương.

Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn Tr có người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Thái Long trình bày:

Ông Nguyễn Văn Tr không đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia phần đất tranh chấp có diện tích 1033,9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng 48161/TTĐĐBĐ- VPQ12 ngày 17/6/2019 của Trung tâm Đo đạc bản đồ Chi nhánh Quận 12 vì các bên đã được chia di sản thừa kế theo Biên bản phân chia đất gia tộc ngày 30/8/1995 và Biên bản ngày 11/9/1995. Phần đất tranh chấp ông Nguyễn Văn Tr được hưởng di sản thừa kế từ mẹ ông bà Nguyễn Thị Rảnh (bà Rảnh hưởng quyền thừa kế từ cha bà là ông Nguyễn Văn Xỉnh theo Phiếu kiểm kê

ruộng, đất xã Thạnh Lộc năm 1975), không liên quan đến các chi còn lại và phần đất này của ông Nguyễn Văn Tr đã được Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11 ngày 31/01/2005.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trương Thị Thanh H có người đại diện theo ủy quyền là ông Hoàng Thái Long trình bày: Bà H thống nhất với lời trình bày của chồng bà là ông Nguyễn Văn Tr, đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Ngọc L có bản khai trình bày: Bà giao toàn quyền quyết định cho ông Nguyễn Văn Tr, bà không có ý kiến gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - các ông, bà: Cao Trần Kim Phượng, Hồ Lưu Th, Nguyễn Thị Mai, Võ Văn Xích, Huỳnh Thị Trừ - có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phúc Duy Tân trình bày: Các ông, bà thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài ra không có ý kiến khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - các ông, bà: bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, bà Huỳnh Thị Kim Ngọc, bà Huỳnh Thị Nghĩa, bà Huỳnh Thị Kim Liên, ông Nguyễn Hùng Dũng, bà Nguyễn Thị Thất, bà Nguyễn Thị Huệ, ông Nguyễn Văn Tình, bà Cao Thị Nhỏ, bà Phạm Thị Kim Nga, bà Phạm Thị Lệ H, ông Phạm Hữu Tường, bà Phạm Thị Kim Thúy, bà Phạm Thị Kim Loan, ông Phạm Kim Long, bà Nguyễn Thị Ng, ông Hồ Thanh Long, bà Võ Thị Lệ Minh, ông Võ Ngọc Linh, ông Võ Hữu Tâm, ông Võ Văn Khải, bà Phạm Thị Tệ, bà Huỳnh Thị Lợi, ông Lê Văn Cang; ông Lê Hoàng Thy, bà Lê Thị Quỳnh Trâm, bà Đinh Thị Kim Hoàng, bà Đinh Thị Thu Hồng, bà Đinh Thị Bích Phượng, bà Đinh Thị Thu Sương, bà Đinh Thị Thu Vân, bà Đinh Thị Tuyết, bà Đinh Thị Thanh Hoa, bà Đinh Thị Hòa Bình, ông Đinh Văn Hoài có văn bản trình bày: Không có yêu cầu gì liên quan đến vụ án, cam kết thực hiện theo quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật của Tòa án.

Bản án dân sự sơ thẩm số 622/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng theo pháp luật.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.033.9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng 48161/TTĐĐBĐ-VPQ12 ngày 17/6/2019 của Trung tâm Đo đạc bản đồ Chi nhánh Quận 12 là di sản của ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng chết để lại.

Ông Nguyễn Văn Tr có trách nhiệm phân chia cho đại diện 06 chi còn lại là bà Nguyễn Thị Mai, ông Huỳnh Văn Bảnh, ông Võ Văn Xích, bà Huỳnh Thị Trừ, ông Hồ Lưu Thủy, bà Cao Trần Kim Phượng số tiền mỗi chi được hưởng là 1.690.171.000 (một tỷ sáu trăm chín mươi triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

Kể từ ngày đại diện các chi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tr chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông Tr phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thanh toán hết cho 06 chi, phần đất có diện tích 1.033,9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng 48161/TTĐĐBĐ-VPQ12 ngày 17/6/2019 của Trung tâm Đo đạc bản đồ Chi nhánh Quận 12, ông Nguyễn Văn Tr (đại diện cho chi ông Nguyễn Văn Xỉnh) được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hợp thực hóa phần đất nêu trên.

Đại diện cho 06 chi là bà Nguyễn Thị Mai, ông Huỳnh Văn Bảnh, ông Võ Văn Xích, bà Huỳnh Thị Trừ, ông Hồ Lưu Thủy, bà Cao Trần Kim Phượng có trách nhiệm hỗ trợ ông Nguyễn Văn Tr trong việc hợp thức hóa phần đất nêu trên.

Nếu ông Nguyễn Văn Tr không thanh toán cho cho đại diện 06 chi là bà Nguyễn Thị Mai, ông Huỳnh Văn Bảnh, ông Võ Văn Xích, bà Huỳnh Thị Trừ, ông Hồ Lưu Thủy, bà Cao Trần Kim Phượng số tiền mỗi chi được hưởng là 1.690.171.000 (một tỷ sáu trăm chín mươi triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng thì đại diện các chi có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự Quận 12 tiến hành phát mãi phần đất diện tích 1.033.9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng 48161/TTĐĐBĐ-VPQ12 ngày 17/6/2019 của Trung tâm Đo đạc bản đồ Chi nhánh Quận 12 để phân chia đều cho 06 chi và ông Nguyễn Văn Tr (Đại diện cho chi ông Nguyễn Văn Xỉnh).

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 07/10/2019, bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

- *Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn - người kháng cáo, bà Trần Thị Ngọc Hà trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân Quận 12, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì bản chất của vụ án thể hiện, phần đất các bên đang tranh chấp là phần đất thuộc quyền sử dụng riêng của bà Rảnh (Mẹ ông Tr) đã được nhà nước thừa nhận trong các Quyết định giải quyết khiếu nại số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12. Nay bà Rảnh mất thì phần đất này là di sản thừa kế của các con bà Rảnh, trong đó có ông Tr. Nguyên đơn cho rằng phần đất này là đất của gia tộc do ông Lung, bà Thăng để lại cho các con cháu sửu dụng là không đúng, vì phần đất gia tộc đã được chia cho các con cháu trong gia tộc theo Biên bản phân chia đất gia tộc ngày 30/8/1995 và Biên bản ngày 11/9/1995. Phần đất nguyên đơn yêu cầu chia là phần đất còn lại sau khi đã chia cho các gia tộc vào năm 1995, phần đất này là của bà Rảnh được quyền sử dụng và nó thuộc các thân tộc của bà Rảnh chứ không phải của ông Lung bà Thăng.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ông Nguyễn Phúc Duy Tân trình bày*: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Tr, giữ nguyên bản án của Tòa án cấp sơ thẩm. Bởi lẽ, trong các tài liệu, chứng cứ của vụ án mà rõ nhất là trong Quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr liên quan đến phần đất tranh chấp nêu trên, Ủy ban nhân dân Quận 12 và cả ông Tr đều thừa nhận phần đất ông Tr đăng ký quyền sử dụng chỉ là đại diện cho các thân tộc của ông Lung, bà Thăng, không có nội dung nào thể hiện đây là phần đất của riêng thân tộc của bà Rảnh như đại diện phía bị đơn trình bày. Mặt khác, bởi do phần đất này được xác định là phần đất gia tộc do ông Lung, bà Thăng để lại cho các con cháu của ông Lung, bà Thăng nên khi ông Tr tự đăng ký xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì đã được Ủy ban nhân dân Quận 12 ra quyết định thu huỷ giấy chứng nhận sau khi các con cháu của ông Lung, bà Thăng khiếu nại.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Trương Thị Thanh H trình bày*: Bà H là vợ của ông Tr, bà thống nhất với lời trình bày của bị đơn và người đại diện theo uỷ qyền của bị đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:* Bà và ông Tr là con của bà Rảnh, bà thống nhất với lời trình bày của bị đơn và người đại diện của bị đơn. Bà đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn vì đất gia tộc đã chia xong từ năm 1995, nay nguyên đơn yêu cầu chia nữa là không đúng. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất này, bà xin được từ chối nhận phần thừa kế của bà.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thất, bà Huỳnh Thị Trừ, bà Huỳnh Thị Lợi cùng thống nhất trình bày*: Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - các ông, bà: Cao Trần Kim Phượng, Hồ Lưu Th, Nguyễn Thị Mai, Võ Văn Xích, Huỳnh Thị Trừ - có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Phúc Duy Tân trình bày*: Các ông, bà thống nhất với phần trình bày và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ngoài ra không có ý kiến khác.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - Luật sư Bùi Trung Linh trình bày:* Phần đất mà phía nguyên đơn cho rằng là đất của gia tộc do ông Lung, bà Thăng để lại cho con cháu sử dụng thực chất là đất thuộc quyền sử dụng của bà Rảnh. Trước khi chết, bà Rảnh đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác định là người có đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thể hiện qua các văn bản như Quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12, Công văn số 4811/UBND-NC ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Thực tế, phần đất mà cụ Lung và cụ Thăng để lại cho các con cháu đã được phân chia theo Biên bản phân chia đất gia tộc ngày 30/8/1995 và Biên bản ngày 11/9/1995. Sau khi chia, phần đất được ông Mãnh đại diện cho các con cháu bán cho bà Giang Thị Tường Khanh. Phần đất còn lại là phần đất thuộc quyền sử dụng riêng của bà Rảnh, các con cháu không được khiếu nại, tranh chấp - đều này đã được thể hiện trong hai Biên bản phân chia nêu trên. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản đối với phần này là hoàn toàn không hợp lý. Liên quan đến việc Ủy ban nhân dân Quận 12 thu hủy Giấy chứng nhận của ông Tr, bản chất không phải thu hủy vì lý do đất này thuộc gia tộc của cụ Lung, cụ Thăng nên ông Tr không được kê khai xin cấp giấy chứng nhận mà vì phần đất này thuộc quyền sử dụng của bà Rảnh (khi còn sống) nên khi bà Rảnh mất thì quyền sử dụng phần đất này thuộc những người thừa kế của bà Rảnh. Tuy nhiên, thay vì ông Tr phải làm Đơn yêu cầu cấp Giấy chứng nhận phần đất này cho ông - là người đại diện khai trình di sản của bà Rảnh (cùng với bà Lan) thì ông Tr lại làm đơn yêu cầu cấp cho vợ chồng ông Tr và bà H, do đó Ủy ban nhân dân Quận 12 ra quyết định thu hủy. Do quyền sử dụng phần đất trên là của bà Rảnh để

lại cho các con cháu của bà Rảnh - cụ thể là ông Tr và bà Lan, không liên quan đến những người khác nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn, Luật sư Nguyễn Văn Thông trình bày:* Căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án gồm: Biên bản phân chia đất gia tộc ngày 30/8/1995; Tờ tự khai nguồn gốc khu đất đang sử dụng ngày 09/10/1995 của bà Nguyễn Thị Rảnh là mẹ của Ông Nguyễn Văn Trương; Quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr; Quyết định số 6975/QĐ-UB-TD ngày 16/11/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Út khiếu nại quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12; Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc thu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 31/01/2005 đứng tên ông Nguyễn Văn Tr và bà Trương Thị Thanh H; Báo cáo số 96/BC-TNMT-TTS ngày 07/01/2011 của Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr; Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr thể hiện rõ phần đất đang tranh chấp này là đất của cả 7 chi thừa kế, là con cháu của cụ Lung và cụ Thăng. Tại Quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr, ông Tr cũng công nhận đây là đất thừa kế của 7 chi và ông Tr chỉ đại diện quản lý chứ không có quyền định đoạt. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp có diện tích 1.033.9m^2 là di sản chung của 7 chi do đại diện các chi là ông Huỳnh Văn Bảnh, Nguyễn Văn Trương, Nguyễn Thị Mai, Huỳnh Thị Trừ, Võ Văn Xích, Hồ Lưu Thủy, Cao Trần Kim Phượng thụ hưởng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Trong suốt quá trình từ thụ lý đến khi mở phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; tại phiên tòa, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định.

+ Về hình thức: Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ và còn trong thời hạn luật định nên có cơ sở chấp nhận về hình thức.

+ Về nội dung: Căn cứ Biên bản về việc phân chia đất gia tộc ngày 30/8/1995 có nội dung thể hiện: "*Ghi chú: Riêng về phần đất khuôn viên mồ mả, bà Nguyễn Thị Rảnh được đại diện đăng ký sử dụng đất sau này có quy hoạch nhà nước có đền bù giải tỏa các chi có quyền được tham gia. Anh Nguyễn Văn Mãnh được các chi trong gia tộc thống nhất đại diện đứng bán phần đất trên". Và tại Biên bản ngày 11/9/1995 một lần nữa nêu lại thỏa thuận trên và để cho ông Nguyễn Văn Mãnh đứng ra thay mặt 7 chi thương lượng chuyển nhượng phần đất đã phân. Các bên đều thừa nhận nội dung các biên bản nêu trên. Việc bị đơn cho rằng phần đất tranh chấp đã thỏa thuận bán nhưng không được 06 chi còn lại thừa nhận và xác định phần đất mà các chi thỏa thuận bán là phần đất khác. Đồng thời, ngày 09/10/1995 trong Tờ tự khai nguồn gốc đất đang sử dụng của bà Rảnh (là mẹ ông Tr) khẳng định lại: "*Đất do ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng đứng bộ và trực canh, chết để lại cho con cháu sử dụng. Cháu nội Nguyễn Thị Rảnh trực canh là phần thừa hưởng của tất cả 07 chi. Theo tinh thần biên bản buổi hòa giải ngày 30/8/1995*". Mặt khác, tại các Quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999, Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 27/01/2011, Công văn số 4811/UB-NC ngày 31/12/2001, Công văn số 9547/UBND-TNMT ngày 19/12/2018 đều thể hiện phần đất tranh chấp là đất hương hỏa của thân tộc bà Nguyễn Thị Rảnh, giao ông Nguyễn Văn Tr đại diện thân tộc bà Nguyễn Thị Rảnh quản lý chăm sóc và đăng ký. Như vậy, phần đất tranh chấp diện tích 1.033,9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh số hợp đồng 48161/TTĐĐBĐ-VPQ12 ngày 17/6/2019 là di sản thừa kế của ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng để lại, ông Nguyễn Văn Tr chỉ là người đứng ra quản lý, sử dụng chứ không phải thuộc quyền sở hữu, quyền sử dụng cá nhân của ông Tr. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn là chia phần đất tranh chấp trên cho đại diện 7 chi là có cơ sở được chấp nhận. Vì vậy, kháng cáo của ông Nguyễn Văn Tr là không có cơ sở được chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm,trong vụ án do có đương sự được miễn án phí thuộc trường hợp người cao tuổi nên cần sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, sửa một phần án phí dân sự sơ thẩm do có đương sự là người cao tuổi nên được miễn án phí theo quy định; ghi nhận việc tự nguyện không hưởng thừa kế của bà Nguyễn Thị Ngọc L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn nộp đơn kháng cáo, Biên lai thu tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời hạn theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Đơn kháng cáo được chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr kháng cáo toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 622/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có cơ sở xác định:

- Ông Nguyễn Văn Lung (không rõ năm sinh, năm mất) và bà Trần Thị Thăng (không rõ năm sinh, năm mất) sinh được 07 người con gồm:

+ Nguyễn Thị Theo (đã mất không xác định được năm);

+ Nguyễn Thị Đôi (đã mất không xác định được năm);

+ Nguyễn Văn Xủng (đã mất không xác định được năm);

+ Nguyễn Văn Xỉnh (đã mất không xác định được năm);

+ Nguyễn Thị Xình (đã mất không xác định được năm);

+ Nguyễn Thị Thời (đã mất không xác định được năm);

+ Bà Nguyễn Thị Tời (sinh năm 1913, mất năm 1999).

Nguyên đơn yêu cầu chia di sản của cụ Lung và cụ Thăng để lại cho các con cháu của những ông bà nêu trên, được xác định như sau:

Chi 1 - Bà Nguyễn Thị Theo có chồng là ông Huỳnh Văn Thụ (đã chết). Bà Theo và ông Thụ có 01 người con chung là Huỳnh Thị Sen (đã chết). Bà Sen có

chồng là ông Lê Văn Phải (đã chết), có hai người con là Cao Thị Nhỏ và Cao Văn Dẩu (chết ngày 14/10/2017). Ông Dẩu có vợ tên Trần Thị Nành (chết năm 1980) và con là Cao Trần Kim Phượng.

Chi 2 - Bà Nguyễn Thị Đôi có chồng là ông Phạm Văn Quăng (chết). Bà Đôi và ông Quăng có 2 con là Phạm Thị Nỗi (chết) và Phạm Ngọc Bích tức Phạm Văn Kiệt (chết năm 2001). Bà Nỗi có chồng là Hồ Văn Chánh (chết năm 1989), có các con là Hồ Lưu Th, Hồ Thanh Long và Hồ Đông Nhi (chết năm 1971, không có vợ). Ông Bích có vợ là Nguyễn Thị Ng, có các con là Phạm Kim Long, Phạm Thị Kim Loan, Phạm Thị Kim Thúy, Phạm Văn Khánh (chết), Phạm Ánh Hồng (chết năm 2016). Ông Khánh có vợ là Nguyễn Thị Kim Yến (chết năm 2006), có các con là Phạm Hữu Tường, Phạm Thị Lệ H, Phạm Thị Kim Nga. Bà Hồng có chồng là Lê Văn Cang, có các con là Lê Hoàng Thy, Lê Thị Quỳnh Trâm.

Chi 3 - Ông Nguyễn Văn Xủng (chết) có vợ là Nguyễn Thị Chung (chết), có các con là Nguyễn Thị Lựa (chết năm 2014), Nguyễn Thị Bông (chết năm 1958) và Nguyễn Thị Mai. Bà Lựa có chồng là Nguyễn Văn Chanh (chết năm 1968), có các con là Nguyễn Văn Tình, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Thất. Bà Bông có chồng là Nguyễn Văn Căn (chết trước các con), có các con là Nguyễn Thị Hai (chết năm 2014), Nguyễn Văn Mãnh (chết 2014, không vợ con). Bà Nguyễn Thị Hai có chồng là Huỳnh Văn Hiệp (chết năm 1997), có các con là Nguyễn Hùng Dũng, Huỳnh Thị Kim Liên, Huỳnh Thị Nghĩa, Nguyễn Thị Tuyết Vân, Huỳnh Thị Kim Ngọc.

Chi 4 - Ông Nguyễn Văn Xỉnh (chết) có vợ là Nguyễn Thị Ích (chết). Ông Xỉnh và bà Ích có con chung là Nguyễn Thị Rảnh (chết), Nguyễn Văn Xe và Nguyễn Văn Điển (ông Xe, ông Điển chết từ thời Pháp, chưa lập gia đình). Bà Ích có một người con riêng là Nguyễn Thị Út. Bà Rảnh có chồng là Nguyễn Văn Toàn (đã ly hôn năm 1085, ông Toàn chết năm 1995), có các con là Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Thị Ngọc L. Ông Tr có vợ là Trương Thị Thanh H.

Chi 5 - Bà Nguyễn Thị Xình (chết) có chồng là Nguyễn Văn Thiện (chết trước 1975). Bà Xình và ông Thiện có các con chung là Võ Văn Xích, Võ Văn Xê (chết năm 1967). Ông Xê có vợ là Phạm Thị Tệ, có các con là Võ Văn Khải, Võ Hữu Tâm, Võ Ngọc Linh, Võ Thị Lệ Minh.

Chi 6 - Bà Nguyễn Thị Thời (chết), có chồng là Nguyễn Văn Chiểu (chết). Bà Thời, ông Chiểu có con chung là Nguyễn Thị Ngộ (chết). Bà Ngộ có chồng là Huỳnh Văn Ngàn (chết năm 1978), có các con là Huỳnh Thị Trừ, Huỳnh Thị Lợi.

Chi 7 - Bà Nguyễn Thị Tời (chết năm 1999), có chồng là Huỳnh Văn Phải (chết). Bà Tời và ông Phải có các con chung là Huỳnh Văn B, Huỳnh Thị Y (chết năm 2008). Bà Y có chồng là Đinh Văn Hoài, có các con là Đinh Thị Kim Hoàng, Đinh Thị Thu Hồng, Đinh Thị Bích Phượng, Đinh Thị Thu Sương, Đinh Thị Thu Vân, Đinh Thị Tuyết, Đinh Thị Thanh Hoa, Đinh Thị Hòa Bình.

- Phần đất các đương sự tranh chấp trong vụ án này theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh Hợp đồng số 48161 ngày 17/6/2019 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Chi nhánh Quận 12 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập, có diện tích 1.033,9m^2; theo tài liệu năm 2005, phần đất này thuộc một phần thửa 47 (diện tích 1.031,6m^2) và một phần thửa 48 (diện tích 2,3m^2) Tờ bản đồ 17, BĐC phường Thạnh Lộc, Quận 12; theo tài liệu 02/CT-Ủy ban nhân dân, thì phần đất thuộc một phần thửa 304 (diện tích 21,8m^2) và một phần thửa 4101 là thửa phân chiết từ thửa 304 (diện tích 1.012,1m^2) Tờ bản đồ Thứ 9, BĐC xã Thạnh Lộc, huyện Hóc Môn; theo tài liệu trước năm 1975 (bản trích sao điền thổ), thì phần đất thuộc bất động sản 336 Quới Xuân Thôn (Lô 140-141-TBĐ3) lập bộ ngày 18/9/1942 do ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng đứng bộ.

Phần đất này nằm trong diện tích 1.214,8m^2 đã được Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11 ngày 31/01/2005 cho ông Nguyễn Văn Trương và bà Trương Thị Thanh Hương. Đến ngày 22/01/2009, Ủy ban nhân dân Quận 12 đã ban hành Quyết định số 116/QĐ-UBND về việc thu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11 nêu trên.

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng thửa đất tranh chấp: Các đương sự trong vụ án đều thống nhất nguồn gốc đất là của ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng để lại cho 07 người con sử dụng. Sau đó, bà Nguyễn Thị Rảnh là con của ông Nguyễn Văn Xỉnh trực tiếp sử dụng, có kê khai đăng ký sử dụng đất.

Theo Biên bản về việc phân chia đất gia tộc lập ngày 30/8/1995 tại Văn phòng Tổ hòa giải xã Thạnh Lộc, huyện Hóc Môn thì đại diện cho 07 chi (07 người con của ông Lung, bà Thăng) đã thỏa thuận thống nhất phần diện tích 1.920m^2 (32mx60m) đất hương hỏa: phần mồ mả ông bà giữ nguyên và xây tường bảo vệ, diện tích 1.920m^2 chia làm 07 phần, có chừa đường đi ngang 05m, dài tính theo chiều dài thửa đất; bà Rảnh được quyền sử dụng phần đất còn lại. Đại diện cho 07 chi đã ký vào biên bản gồm có ông Phạm Ngọc Bích (con bà Nguyễn Thị Đôi), bà Huỳnh Thị Trừ (con của bà Nguyễn Thị Ngộ, bà Ngộ là con bà Nguyễn Thị Thời), bà Nguyễn Thị Mai (con của ông Nguyễn Văn Xủng), ông Võ Văn Xích

(con của bà Nguyễn Thị Xình), ông Lê Văn Phải (chồng bà Nguyễn Thị Sen, bà Sen là con của bà Nguyễn Thị Theo), bà Nguyễn Thị Tời, bà Nguyễn Thị Rảnh (bà Rảnh là con của ông Nguyễn Văn Xỉnh).

Đến ngày 11/9/1995, 07 chi lại họp và được Văn phòng Tổ hòa giải xã Thạnh Lộc, huyện Hóc Môn lập biên bản với nội dung: "*Căn cứ vào Biên bản ngày 30/8/1995 về việc giải quyết dứt điểm thuận phân đất gia tộc. Bảy chi thống nhất ý kiến thuận phân tách rời phần đất của gia tộc….các chi đồng thống nhất như sau: Nay để cho anh Nguyễn Văn Mãnh đại diện các chi đứng ra hợp đồng chuyển nhượng đất. Anh Nguyễn Văn Mãnh chỉ có tư cách thay lời 07 chi để thương lượng chuyển nhượng phần đất đã thuận phân… Biên bản này kết hợp với Biên bản ngày 30/8/1995 chỉ có giá trị trong việc giao dịch chuyển nhượng*". Đại diện 07 chi đã ký vào biên bản này là ông Lê Văn Phải (chi bà Nguyễn Thị Theo), ông Phạm Văn Kiệt (chi bà Nguyễn Thị Đôi), bà Nguyễn Thị Mai (chi ông Nguyễn Văn Xủng), ông Võ Văn Xích (chi bà Nguyễn Thị Xình), bà Huỳnh Thị Trừ (chi bà Nguyễn Thị Thời), ông Huỳnh Văn B (chi bà Nguyễn Thị Tời), bà Nguyễn Thị Rảnh (chi ông Nguyễn Văn Xỉnh). Ngoài ra, còn có ông Nguyễn Văn Mãnh và ông Nguyễn Văn Tr cùng ký tên.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và cấp phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận có việc đại diện 07 chi thỏa thuận phân chia đất gia tộc theo Biên bản lập ngày 30/8/1995 và ngày 11/9/1995 nêu trên. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Tr, bà Trương Thị Thanh H, bà Nguyễn Thị Ngọc L cho rằng phần đất thỏa thuận phân chia theo hai Biên bản đã được ông Nguyễn Văn Mãnh đại diện cho 07 chi bán cho bà Giang Thị Tường Khanh, còn phần đất đang tranh chấp là của bà Rảnh, không nằm trong thỏa thuận phân chia. Trong khi đó, những người trong 06 chi còn lại thì xác định phần đất bán cho bà Giang Thị Tường Khanh nằm ngoài phần đất các bên tranh chấp trong vụ án này.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Tr có cung cấp cho Tòa án Quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12 về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Nguyễn Văn Tr; Quyết định số 6975/QĐ-UB-TD ngày 16/11/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giải quyết đơn của ông Nguyễn Văn Tr, bà Nguyễn Thị Út khiếu nại quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12; Công văn số 4811/UB-NC ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (gửi ông

Nguyễn Văn Tr) để chứng minh phần đất đang tranh chấp trong vụ án này đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận là di sản của bà Rảnh.

Xét thấy, liên quan đến việc giải quyết các khiếu kiện đối với thửa đất trên, Ủy ban nhân dân Quận 12 và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành các quyết định, công văn bao gồm: Quyết định số 26/QĐ-UB-QLĐT ngày 15/3/1999 của Ủy ban nhân dân Quận 12; Quyết định số 6975/QĐ-UB-TD ngày 16/11/1999 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 4811/UB-NC ngày 31/12/2001 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Quyết định số 116/QĐ-UBND ngày 22/01/2009 của Ủy ban nhân dân Quận 12; Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của Ủy ban nhân dân Quận 12; Quyết định số 444/QĐ-UBND ngày 27/01/2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh; Công văn số 9547/UBND-TNMT ngày 19/12/2018 của Ủy ban nhân dân Quận 12, nội dung của các văn bản nêu trên đều đã xác định phần đất đang tranh chấp có nguồn gốc và vị trí như sau: Phần đất hiện trạng có mộ thân tộc bà Nguyễn Thị Rảnh có diện tích khoảng 1.650m^2 (thuộc một phần thửa 304, TBĐ số 9, theo tài liệu bản đồ địa chính năm 1995) nhà nước công nhận đất thuộc dạng hương hỏa của thân tộc bà Nguyễn Thị Rảnh, giao ông Nguyễn Văn Tr (đại diện thân tộc bà Nguyễn Thị Rảnh) quản lý, chăm sóc và đăng ký. Chính vì vậy, Ủy ban nhân dân Quận 12 đã thu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H00280/11 do Ủy ban nhân dân Quận 12 cấp ngày 31/01/2005 cho ông Nguyễn Văn Trương và bà Trương Thị Thanh Hương. Đồng thời, tại Tờ tự khai nguồn gốc đất đang sử dụng của bà Rảnh ngày 09/10/1995 thể hiện: "*Đất do ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng đứng bộ và trực canh, chết để lại cho con cháu sử dụng. Cháu nội Nguyễn Thị Rảnh trực canh là phần thừa hưởng của tất cả 07 chi. Theo tinh thần biên bản buổi hòa giải ngày 30/8/1995*".

Như vậy, có cơ sở xác định phần đất đang tranh chấp là của ông Lung và bà Thăng để lại cho con cháu sử dụng nên ông B có quyền khởi kiện yêu cầu chia.

Đối với ý kiến của bị đơn cho rằng, phần đất thỏa thuận theo Biên bản ngày 30/8/1995 và Biên bản ngày 11/9/1995 đã bán cho bà Giang Thị Tường Khanh, phần đất tranh chấp là của bà Rảnh, không phải của gia tộc. Nhưng căn cứ vào các quyết định, công văn nêu trên có cơ sở xác định phần đất tranh chấp trong vụ án này là của gia tộc bà Rảnh để lại. Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ pháp luật, nên yêu cầu kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận.

- Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông Cao Văn Dẩu (đã chết trước ngày Tòa án thụ lý vụ án) vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đã đưa tên ông Cao Văn Dẩu ra khỏi thành phần người tham gia tố tụng. Ngoài ra, Hội đồng xét xử sơ thẩm trong phần quyết định đã tuyên chia giá trị quyền sử dụng đất cho các chi và tính án phí cho các chi là chưa chính xác. Vì có trường hợp là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nên Hội đồng xét xử phúc thẩm điều chỉnh lại phần này cho phù hợp quy định.

Quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm, các bên không có khiếu nại và thống nhất lấy giá trị quyền sử dụng đất tranh chấp là 11.831.200.000đ (Mười một tỷ tám trăm ba mươi mốt triệu hai trăm nghìn đồng) theo kết quả định giá tại Biên bản định giá ngày 22/01/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12 làm cơ sở giải quyết vụ án. Do đó, tương đương số tiền mỗi chi được hưởng là: 11.831.200.000đ : 7 = 1.690.171.000 (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng. Cụ thể số tiền của mỗi người trong từng chi được hưởng như sau:

Chi 1: Bà Cao Thị Nhỏ và bà Cao Trần Kim Phượng, mỗi người được hưởng ½ số tiền 1.690.171.000 đồng, tương đương 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Chi 2: Ông Hồ Lưu Th và ông Hồ Thanh Long, mỗi người được hưởng 1/2 của 1/2 số tiền 1.690.171.000, tức mỗi người được hưởng là 422.542.750 (bốn trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Các ông, bà: Nguyễn Thị Ng, Phạm Kim Long, Phạm Thị Kim Loan, Phạm Thị Kim Thúy, mỗi người được hưởng 1/6 của 1/2 số tiền 1.690.171.000 đồng, tức mỗi người được hưởng 140.847.583 (một trăm bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng.

Các ông, bà: Phạm Hữu Tường, Phạm Thị Lệ H, Phạm Thị Kim Nga, mỗi người được hưởng 1/3 của 1/6 của 1/2 số tiền 1.690.171.000 đồng (1/36), tức mỗi người được hưởng 46.949.194 (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng.

Các ông bà: Lê Văn Cang, Lê Hoàng Thy, Lê Thị Quỳnh Trâm mỗi người được hưởng 1/3 của 1/6 của 1/2 số tiền 1.690.171.000 đồng (1/36), tương đương mỗi người được hưởng 46.949.194 (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng.

Chi 3: Bà Nguyễn Thị Mai được hưởng 1/3 của số tiền 1.690.171.000 đồng, tức 563.390.333 (năm trăm sáu mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Các ông, bà: Nguyễn Văn Tình, Nguyễn Thị Huệ, Nguyễn Thị Thất, mỗi người được hưởng 1/3 của 1/3 số tiền 1.690.171.000 đồng, tức mỗi người được hưởng 187.796.777 (một trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng.

Các ông, bà: Nguyễn Hùng Dũng, Huỳnh Thị Kim Liên, Huỳnh Thị Nghĩa, Nguyễn Thị Tuyết Vân, Huỳnh Thị Kim Ngọc, mỗi người được hưởng 1/5 của 1/3 số tiền 1.690.171.000 đồng, tức mỗi người được hưởng 112.678.066 (một trăm mười hai triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm sáu mươi sáu) đồng.

Chi 4: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ngọc L, mỗi người được hưởng 1/2 của số tiền 1.690.171.000 đồng, tức 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng. Tuy nhiên, do bà Lan từ chối nhận phần di sản được hưởng, nên phần di sản của chi 4 được chia toàn bộ cho ông Nguyễn Văn Tr. Số tiền ông Tr được hưởng là 1.690.171.000 (Một tỷ sáu trăm chín mươi triệu một trăm bảy mươi mốt nghìn) đồng.

Chi 5: Ông Võ Văn Xích được hưởng 1/2 của số tiền 1.690.171.000 đồng, tức 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Các ông bà: Phạm Thị Tệ, Võ Văn Khải, Võ Hữu Tâm, Võ Ngọc Linh, Võ Thị Lệ Minh mỗi người được hưởng 1/5 của 1/2 số tiền 1.690.171.000 đồng, tức mỗi người được hưởng 169.017.100 (một trăm sáu mươi chín triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm) đồng.

Chi 6: Bà Huỳnh Thị Trừ, bà Huỳnh Thị Lợi, mỗi người được hưởng 1/2 của số tiền 1.690.171.000 đồng, tức mỗi người được hưởng 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Chi 7: Ông Huỳnh Văn B được hưởng 1/2 của số tiền 1.690.171.000 đồng, tức 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Các ông bà: Đinh Văn Hoài, Đinh Thị Kim Hoàng, Đinh Thị Thu Hồng, Đinh Thị Bích Phượng, Đinh Thị Thu Sương, Đinh Thị Thu Vân, Đinh Thị Tuyết, Đinh Thị Thanh Hoa, Đinh Thị Hòa Bình, mỗi người được hưởng 1/9 của 1/2 số tiền

1.690.171.000 đồng, tức mỗi người được hưởng 93.898.388 (chín mươi ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Những người được hưởng thừa kế phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền được hưởng; trừ các trường hợp trên 60 tuổi (tính đến ngày xét xử sơ thẩm 24/9/2019) được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Cụ thể:

Chi 1: Bà Cao Thị Nhỏ (trên 60 tuổi) được miễn án phí theo quy định pháp luật.

Bà Cao Trần Kim Phượng được hưởng số tiền 845.085.500 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.352.565 (ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi lăm) đồng.

Chi 2: Ông Hồ Lưu Th, ông Hồ Thanh Long, bà Nguyễn Thị Ng, ông Phạm Kim Long và ông Lê Văn Cang (đều trên 60 tuổi) nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Phạm Thị Kim Loan, bà Phạm Thị Kim Thúy mỗi người được hưởng số tiền 140.847.583 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 7.042.379 (bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi chín) đồng.

Ông Phạm Hữu Tường, bà Phạm Thị Lệ H, bà Phạm Thị Kim Nga, ông Lê Hoàng Thy, bà Lê Thị Quỳnh Trâm mỗi người được hưởng số tiền 46.949.194 đồng nên phải án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 2.347.459 (hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng.

Chi 3: Bà Nguyễn Thị Mai, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Thất (đều trên 60 tuổi) nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Văn Tình được hưởng số tiền 187.796.777 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 9.389.838 (chín triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm ba mươi tám) đồng.

Bà Huỳnh Thị Nghĩa, ông Nguyễn Hùng Dũng, bà Huỳnh Thị Kim Liên, bà Nguyễn Thị Tuyết Vân và bà Huỳnh Thị Kim Ngọc mỗi người được hưởng số tiền 112.678.066 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 5.633.903 (năm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm lẻ ba) đồng.

Chi 4: Ông Nguyễn Văn Tr được hưởng số tiền 1.690.171.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 62.705.130 (sáu mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm mười ba) đồng.

Chi 5: Ông Võ Văn Xích, bà Phạm Thị Tệ (đều trên 60 tuổi) nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ông Võ Văn Khải, ông Võ Hữu Tâm, ông Võ Ngọc Linh, bà Võ Thị Lệ Minh mỗi người được hưởng số tiền 169.017.100 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 8.450.855 (tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng.

Chi 6: Bà Huỳnh Thị Trừ, bà Huỳnh Thị Lợi mỗi người được hưởng số tiền 845.085.500 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 37.352.565 (ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi lăm) đồng.

Chi 7: Ông Huỳnh Văn B, ông Đinh Văn Hoài (đều trên 60 tuổi) nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà Đinh Thị Kim Hoàng, bà Đinh Thị Thu Hồng, bà Đinh Thị Bích Phượng, bà Đinh Thị Thu Sương, bà Đinh Thị Thu Vân, bà Đinh Thị Tuyết, bà Đinh Thị Thanh Hoa và bà Đinh Thị Hòa Bình mỗi người được hưởng số tiền 93.898.388 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 4.694.919 (bốn triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm mười chín) đồng.

- Xét lời trình bày của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn không phù hợp với ý kiến phân tích của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Với những phân tích và nhận định ở trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy nội dung kháng cáo của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận. Cần sửa bản án của Tòa án cấp sơ thẩm theo hướng như đã phân tích nêu trên.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, nên ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 5; khoản 5 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 609; khoản 1 Điều 623; Điều 649; Điều 650; điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự,

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn Tr.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 662/2019/DS-ST ngày 24/9/2019 của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Văn B về việc yêu cầu chia thừa kế di sản của ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng theo pháp luật.

Công nhận quyền sử dụng đất diện tích 1.033.9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh Hợp đồng số 48161 ngày 17/6/2019 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Chi nhánh Quận 12 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập, là di sản của ông Nguyễn Văn Lung và bà Trần Thị Thăng chết để lại.

Buộc ông Nguyễn Văn Tr có trách nhiệm thanh toán cho các ông, bà thuộc 06 chi còn lại, số tiền cụ thể như sau:

- Chi 1: Bà Cao Thị Nhỏ, bà Cao Trần Kim Phượng, mỗi người 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

- Chi 2: Ông Hồ Lưu Th, ông Hồ Thanh Long, mỗi người 422.542.750 (bốn trăm hai mươi hai triệu năm trăm bốn mươi hai nghìn bảy trăm năm mươi) đồng.

Bà Nguyễn Thị Ng, ông Phạm Kim Long, bà Phạm Thị Kim Loan, bà Phạm Thị Kim Thúy, mỗi người 140.847.583 (một trăm bốn mươi triệu tám trăm bốn mươi bảy nghìn năm trăm tám mươi ba) đồng.

Ông Phạm Hữu Tường, bà Phạm Thị Lệ H, bà Phạm Thị Kim Nga, ông Lê Văn Cang, ông Lê Hoàng Thy, bà Lê Thị Quỳnh Trâm, mỗi người 46.949.194 (bốn mươi sáu triệu chín trăm bốn mươi chín nghìn một trăm chín mươi bốn) đồng.

- Chi 3: Bà Nguyễn Thị Mai, số tiền 563.390.333 (năm trăm sáu mươi ba triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Ông Nguyễn Văn Tình, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Thất, mỗi người 187.796.777 (một trăm tám mươi bảy triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bảy) đồng.

Ông Nguyễn Hùng Dũng, bà Huỳnh Thị Kim Liên, bà Huỳnh Thị Nghĩa, bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, bà Huỳnh Thị Kim Ngọc, mỗi người 112.678.066 (một trăm mười hai triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn không trăm sáu mươi sáu) đồng.

- Chi 5: Ông Võ Văn Xích, số tiền 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Bà Phạm Thị Tệ, ông Võ Văn Khải, ông Võ Hữu Tâm, ông Võ Ngọc Linh, bà Võ Thị Lệ Minh, mỗi người 169.017.100 (một trăm sáu mươi chín triệu không trăm mười bảy nghìn một trăm) đồng.

- Chi 6: Bà Huỳnh Thị Trừ, bà Huỳnh Thị Lợi, mỗi người 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

- Chi 7: Ông Huỳnh Văn B, số tiền 845.085.500 (Tám trăm bốn mươi lăm triệu không trăm tám mươi lăm nghìn năm trăm) đồng.

Ông Đinh Văn Hoài, bà Đinh Thị Kim Hoàng, bà Đinh Thị Thu Hồng, bà Đinh Thị Bích Phượng, bà Đinh Thị Thu Sương, bà Đinh Thị Thu Vân, bà Đinh Thị Tuyết, bà Đinh Thị Thanh Hoa, bà Đinh Thị Hòa Bình, mỗi người 93.898.388 (chín mươi ba triệu tám trăm chín mươi tám nghìn ba trăm tám mươi tám) đồng.

Kể từ ngày những người nêu trên có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Tr chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì ông Tr còn phải trả lãi suất đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Sau khi thanh toán đầy đủ các khoản tiền cho những người nêu trên, ông Nguyễn Văn Tr được quyền liên hệ cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần đất có diện tích 1.033.9m^2 theo Bản đồ hiện trạng vị trí áp ranh Hợp đồng số 48161 ngày 17/6/2019 do Trung tâm Đo đạc bản đồ - Chi nhánh Quận 12 thuộc Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Hồ Chí Minh lập.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Cao Thị Nhỏ, ông Hồ Lưu Th, ông Hồ Thanh Long, bà Nguyễn Thị Ng, ông Phạm Kim Long, ông Lê Văn Cang, bà Nguyễn Thị Mai, bà Nguyễn Thị Huệ, bà Nguyễn Thị Thất, ông Võ Văn Xích, bà Phạm Thị Tệ, ông Huỳnh Văn B, ông Đinh Văn Hoài được miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Hoàn lại cho ông Huỳnh Văn B số tiền tạm ứng án phí đã nộp 7.500.000 (bảy triệu năm trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số

AA/2017/0034747 ngày 07/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bà Cao Trần Kim Phượng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 37.352.565 (ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Bà Phạm Thị Kim Loan, bà Phạm Thị Kim Thúy phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 7.042.379 (bảy triệu không trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm bảy mươi chín) đồng.

- Ông Phạm Hữu Tường, bà Phạm Thị Lệ H, bà Phạm Thị Kim Nga, ông Lê Hoàng Thy, bà Lê Thị Quỳnh Trâm phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 2.347.459 (hai triệu ba trăm bốn mươi bảy nghìn bốn trăm năm mươi chín) đồng.

- Ông Nguyễn Văn Tình phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.389.838 (chín triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm ba mươi tám) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Nghĩa, ông Nguyễn Hùng Dũng, bà Huỳnh Thị Kim Liên, bà Nguyễn Thị Tuyết Vân, bà Huỳnh Thị Kim Ngọc phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 5.633.903 (năm triệu sáu trăm ba mươi ba nghìn chín trăm lẻ ba) đồng.

- Ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 62.705.130 (sáu mươi hai triệu bảy trăm lẻ năm nghìn một trăm mười ba) đồng.

- Ông Võ Văn Khải, ông Võ Hữu Tâm, ông Võ Ngọc Linh, bà Võ Thị Lệ Minh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 8.450.855 (tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn tám trăm năm mươi lăm) đồng.

- Bà Huỳnh Thị Trừ, bà Huỳnh Thị Lợi phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 37.352.565 (ba mươi bảy triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Bà Đinh Thị Kim Hoàng, bà Đinh Thị Thu Hồng, bà Đinh Thị Bích Phượng, bà Đinh Thị Thu Sương, bà Đinh Thị Thu Vân, bà Đinh Thị Tuyết, bà Đinh Thị Thanh Hoa và bà Đinh Thị Hòa Bình phải chịu án phí dân sự sơ thẩm mỗi người là 4.694.919 (bốn triệu sáu trăm chín mươi bốn nghìn chín trăm mười chín) đồng.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn Tr phải chịu án phí dân sự phúc thẩm số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2019/0008233 ngày 07/10/2019 của Chi cục Thi

hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Tr đã thi hành xong án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND Cấp cao tại Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Tp.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Tp.HCM;
- Cục THADS Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 12, Tp.HCM;
- Tòa án nhân dân Quận 12, Tp.HCM;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Thu Lan